TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 59/2018/DS-PT
Ngày 23 - 8 - 2018
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phồn.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Từ

Ông Lê Hồng Sơn.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa***:
Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công Ki vụ án Dân sự thụ lý số 18/2018/TLPT-DS ngày 23 tháng 3 năm 2018 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất". Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52b/2018/QĐ-PT ngày 06 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị N, sinh năm 1927. Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 3, xã Q, huyện L, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Ông Trần Đình T, sinh năm 1964. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 3, xã Q, huyện L, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp: Bà Vũ Thị P, sinh năm 1964; Địa chỉ: Xóm 3, xã Q, huyện L, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Vũ Thị P, sinh năm 1964. Có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Xóm 3, xã Q, huyện L, tỉnh Nghệ An.

+ Ông Trần Minh K, sinh năm 1957. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 3, xã Q, huyện L, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị C (đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án); theo Giấy ủy quyền ngày 21/8/2018 Có mặt tại phiên tòa.

+ Bà Trần Thị C, sinh năm 1952. Có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Xóm 3, xã Q, huyện L, tỉnh Nghệ An.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T và bà P: Ông Nguyễn Phương Sử, Luật sư thuộc Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Việt Phú, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

* Người kháng cáo: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án Dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An thì vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 3 năm 2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trần Minh K (người được bà Hồ Thị N ủy quyền) trình bày:

Năm 1971, Ủy ban nhân dân xã Q cấp cho vợ chồng bà Hồ Thị N, ông Trần Đình P diện tích 1012 m^2, tại Xóm 3, xã Q để sử dụng làm nhà ở (trong đó, đất ở 300 m^2 và đất vườn 712 m^2). Năm 1972, ông Trần Đình P chết không để lại di chúc. Bà N làm nhà ở, công trình trên đất và sống cùng các con. Năm 1980, ông Trần Minh K lấy vợ; năm 1985, ông Trần Đình T (em ông K) lấy vợ cùng ở chung trong một nhà. Năm 1990, ông K ra ở riêng nơi khác. Bà N sống chung với vợ chồng ông T trên mảnh đất đó đến năm 2001 thì chuyển về ở với vợ chồng ông K; toàn bộ tài sản nhà đất của vợ chồng bà N do vợ chồng ông T, bà P sử dụng. Khi Nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà N không biết nên không kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vợ chồng ông Trần Đình T (con trai) tự ý kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông T. Do cấp sai đối tượng nên bà N đã yêu cầu Tòa án xét xử hủy quyết định hành chính và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trần Đình T.

Bản án Hành chính số 05/2016/HC-PT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An tuyên hủy một phần Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 5 tháng 2 năm 1996 của Uỷ ban nhân dân huyện L và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 254188 tại thửa số 152-1, tờ bản đồ số 3, mang tên Trần Đình T tại Xóm 3, xã Q.

Ủy ban nhân dân huyện L đã ban hành Quyết định số 2158 ngày 7 tháng 11 năm 2016, hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 254188, tại thửa số 152-1, tờ bản đồ số 3 mang tên Trần Đình T, tại Xóm 3, xã Q, huyện L.

Diện tích đất qua xem xét, thẩm định tại chỗ là 1053,2 m^2; hiện nay, ông Trần Đình T và bà Vũ Thị P đang sử dụng là đất của ông Phách, bà N. Bà N khởi kiện yêu cầu ông T, bà P trả lại 506 m^2 đất; nhưng nay bà N chỉ yêu cầu ông T, bà P trả lại 313,4 m^2. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông K đề nghị Hội đồng xét xử buộc vợ chồng ông Trần Đình T và bà Vũ Thị P phải trả lại cho bà N diện tích đất 313,4 m^2. Đồng thời, ông K đề nghị Hội đồng xét xử giao cho bà N được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản nằm trên đất đã được định giá, nhưng bà N thanh toán giá trị tài sản trên đất cho vợ chồng ông T, bà P.

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị P trình bày tại bản tự khai ngày 14 tháng 4 năm 2017*: Gia đình bà có 06 nhân khẩu, năm 1993, theo Nghị định 64 của Chính phủ thi hành Luật đất đai năm 1993, gia đình bà có 1012 m^2 đất ở và đất vườn, nhưng 200 m^2 đất ở là Nhà nước giao cho hộ gia đình có 06 nhân khẩu tại thời điểm năm 1994 theo Luật đất đai năm 1993; còn 812 m^2 đất vườn là đất nông nghiệp chia cho 02 suất theo quy định của địa phương tại thời điểm chia đất nông nghiệp theo Nghị định 64 tại thời điểm năm 1994. Nay, bà Hồ Thị N yêu cầu vợ chồng ông bà trả lại đất là hoàn toàn không có căn cứ.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị C trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 4 năm 2017*: Bố mẹ đẻ của bà là Trần Đình Phách, sinh năm 1930, mất ngày 25 tháng 5 năm 1972 và bà Hồ Thị N, sinh năm 1927, hiện đang sống với ông K. Bố mẹ bà sinh được 04 người con là: Trần Thị C, Trần Minh K, Trần Đình P (chết năm 1984, chưa có vợ) và Trần Đình T. Gia đình bà trước đây sống tại khu vực dân cư đội 3 - Hợp tác xã HL, xã Q. Do hợp tác xã xây dựng nhà kho để chứa phân bón, thuốc trừ sâu nên tháng 4 năm 1917, ông Plàm đơn xin cấp đất được Ủy ban nhân dân xã Q cấp thửa đất số 152-1, tờ bản đồ số 3, tại Xóm 3, xã Q. Hiện nay, gia đình ông T, bà P đang quản lý sử dụng. Năm 1974, bà đi lấy chồng, năm 1980, ông K lấy vợ; năm 1984, ông P chết khi chưa lập gia đình; năm 1985, ông T lấy vợ. Lúc đó, gia đình bà có hai dâu nên năm 1989, Ủy ban nhân dân xã Q đã cấp cho một suất đất theo tiêu

chuẩn hai người con dâu; hiện nay, ông K đang sử dụng. Vợ chồng ông Trần Đình T sống chung với bà N từ năm 1985 đến năm 2001 thì bà N chuyển về ở cùng với gia đình ông K. Toàn bộ tài sản nhà đất của bà N, ông Pdo vợ chồng ông T trông coi sử dụng. Đến năm 2013, bà mới biết thửa đất của ông Phách, bà N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1996 cho ông Trần Đình T (em trai út). Diện tích 1012 m^2 (trong đó, đất ở 300 m^2, đất vườn 712 m^2, tại thửa đất số 152-1, tờ bản đồ số 3) là của ông Trần Đình P và Hồ Thị N. Do cấp sai đối tượng nên bà Hồ Thị N đã yêu cầu Tòa án giải quyết hủy quyết định hành chính và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Đình T. Bà N khởi kiện về hành chính yêu cầu hủy Quyết định cấp đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Đình T được Tòa án chấp nhận.

Nay, bà cũng thống nhất như yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị N; bà đề nghị Tòa án xem xét buộc vợ chồng ông T, bà P phải trả lại cho bà N diện tích đất 313,4 m^2. Bà không yêu cầu chia phần tài sản của ông Trần Đình P.

Với nội dung trên, Bản án Dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 174, Điều 175, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 164, Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 166 của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Buộc ông Trần Đình T và bà Vũ Thị P phải trả lại cho bà Hồ Thị N 313,4 m^2 đất, tại thửa số 152-1 (tức thửa 152), tờ bản đồ số 3 (theo bản đồ số là thửa số 16, tờ bản đồ số 16) tại Xóm 3, xã Q, huyện L, tỉnh Nghệ An.

Ranh giới cụ thể như sau: Phía Tây giáp mương nước dài 28,77 mét; phía Đông giáp phần đất còn lại (do ông T, bà P đang sử dụng) dài 28,47 mét; phía Nam giáp đất ông Đặng Ngọc Nhung dài 11 mét; phía Bắc giáp ngõ đi dài 11 mét.

Giao cho bà Hồ Thị N được quyền sở hữu các tài sản trên diện tích đất 313,4 m^2 gồm: Mái Proximăng (dài 11 mét x rộng 4,2 mét = 46,2 m^2) có giá trị 8.000.000 đồng; 30 cây chuối có giá trị 600.000 đồng;) 01 cây sắn có giá trị 25.000 đồng; Tường bao phía Tây (dài 24,57 mét) có giá trị 2.000.000 đồng. Tổng giá trị tải sản mà bà N được quyền sở hữu là 10.625.000 đồng nhưng bà Hồ Thị N phải trả giá trị phải trả các giá trị các tài sản nêu trên cho vợ chồng ông Trần Đình T, bà Vũ Thị P số tiền 10.625.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, lãi suất do chậm thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án của các đương sự, thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02 tháng 02 năm 2018, người đại diện hợp pháp của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị P kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm:

- Xem xét và trưng cầu giám định để xác định năng lực hành vi dân sự, năng lực hành vi tố tụng dân sự của ông Trần Đình T để ông có điều kiện tham gia tố tụng bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình;

- Hủy bản án sơ thẩm số 01, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bà P, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án vì chưa đủ điều kiện khởi kiện do nguyên đơn không có quyền sử dụng đất (không có quyền về tài sản)

Nguyên đơn và đại diện của nguyên đơn không kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông K, bà C đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:

- Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Trong quá trình thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán được phân công đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Các đương sự đều thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 và Điều 294 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Quyền tranh tụng tại phiên tòa được bảo đảm.

- Về thủ tục kháng cáo: Bà Vũ Thị P kháng cáo trong hạn luật định, có nộp dự phí kháng cáo nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết là đúng pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 259, Điều 304 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định tạm ngừng phiên tòa để tiến hành thu thập, xác minh thêm về nguồn gốc đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Xét thấy, nguyên đơn bà Hồ Thị N có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Trần Đình T vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp là bà Vũ Thị P tham gia phiên tòa, ông Trần Minh K vắng mặt và đã ủy quyền cho bà Trần Thị C tham gia phiên tòa. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa theo quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, Tòa án đã hỏi ý kiến của các đương sự về việc có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không nhưng các đương sự không thỏa thuận được. Do đó, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Xét nội dung vụ án: Bà Hồ Thị N khởi kiện yêu cầu ông Trần Đình T phải trả lại cho bà một phần thửa đất số 152-1, tờ bản đồ số 3 có diện tích 313,4 m^2 tại Xóm 3, xã Q, huyện L, tỉnh Nghệ An vì cho rằng thửa đất đã được Ủy ban nhân dân xã Q cấp cho bà N và ông Pnăm 1971. Tòa án sơ thẩm trên cơ sở xem xét các chứng cứ, tài liệu đã thu thập và do các đương sự cung cấp; căn cứ các quy định của pháp luật đã chấp nhận nội dung khởi kiện đòi lại quyền sử dụng đất của bà N, buộc ông T phải trả lại phần diện tích đất bà N yêu cầu. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Vũ Thị P là người đại diện hợp pháp đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

[4] Xét kháng cáo của bà Vũ Thị P, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Thửa đất số 152-1, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa đất số 16, tờ bản đồ số 16), diện tích 1053,2 m^2 tại Xóm 3, xã Q, huyện L, tỉnh Nghệ An được Nhà nước cấp cho ông Trần Đình P và bà Hồ Thị N năm 1971. Ông P chết năm 1972 không để lại di chúc, bà N làm nhà, các công trình trên đất và sinh sống trên nhà đất. Đến năm 2001, bà N ra ở với ông Trần Minh K và diện tích nhà đất do gia đình ông Trần Đình T quản lý, sử dụng từ đó đến nay. Năm 1996, ông Trần Đình T đã tự ý kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất. Xét thấy, thửa đất số 152-1, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa đất số 16, tờ bản đồ số 16) là tài sản chung của ông P và bà N, mỗi người được quyền sử dụng ½ diện tích thửa đất. Ông Pchết năm 1972 không để lại di chúc, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Pkhông thực hiện việc phân chia di sản thừa kế nên đã hết thời kiện yêu cầu chia di sản nên phần diện tích đất của ông P là tài sản chung của những người được hưởng thừa kế theo pháp luật. Đối với phần diện tích đất của bà N, từ khi được cấp đất đến nay, bà N

không chuyển nhượng, tặng cho ai nên mặc dù hiện tại ông T đang quản lý, sử dụng nhưng vẫn thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà N.

Năm 1996, ông Trần Đình T đã tự ý kê khai và Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số số 152-1, tờ bản đồ số 3 mang tên ông Trần Đình T. Bà N sau khi biết được sự việc đã khởi kiện hành chính yêu cầu Tòa án hủy một phần quyết định cấp đất và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất mang tên ông T. Tại Bản án Hành chính phúc thẩm số 05/2016/HC-PT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã tuyên hủy một phần Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 1996 của Uỷ ban nhân dân huyện L và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 254188 tại thửa số 152-1, tờ bản đồ số 3, mang tên Trần Đình T tại Xóm 3, xã Q, huyện L, tỉnh Nghệ An. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ngày 17 tháng 11 năm 2016, Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Nghệ An đã ban hành Quyết định số 2158/QĐ-UBND hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 254188 tại thửa đất số 152-1, tờ bản đồ số 3, mang tên Trần Đình T tại Xóm 3, xã Q, huyện L, tỉnh Nghệ An.

Từ những phân tích trên, có căn cứ xác định một phần diện tích đất tại thửa đất số 152-1, tờ bản đồ số 3, tại Xóm 3, xã Q, huyện L, tỉnh Nghệ An hiện đang do ông Trần Đình T quản lý, sử dụng là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Hồ Thị N. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc ông T và bà P phải trả lại diện tích đất 313,4, m^2, giao cho bà N được quyền sở hữu các công trình trên đất, đồng thời, buộc bà N phải trích tiền giá trị tài sản trên đất được hưởng cho ông T, bà P là có căn cứ, đúng pháp luật. Hơn nữa, bà N lại là mẹ đẻ của ông T, được quyền sử dụng diện tích đất lớn hơn nhưng bà chỉ yêu cầu trả một phần là 313,4 m^2 là có lý, có tình.

Bà Vũ Thị P kháng cáo đề nghị Tòa án xem xét và trưng cầu giám định để xác định năng lực hành vi dân sự, năng lực hành vi tố tụng dân sự của ông Trần Đình T để ông T có điều kiện tham gia tố tụng bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã có Công văn số 281/VP-TA ngày 13 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn đương sự có liên quan làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông T mất năng lực hành vi dân sự. Các đương sự đã được tống đạt hợp lệ công văn này, trong đó, bà P là vợ của ông T, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, hiện đang sinh sống trên thửa đất số 152-1, đã được tống đạt trực tiếp hợp lệ văn bản ngày 21 tháng 6 năm 2017 nhưng đều không có yêu cầu gì. Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện, ông Trần Đình T là người đang điều trị ngoại trú tâm thần tại Bệnh viện tâm thần tỉnh Nghệ An, được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng. Tòa án cấp sơ thẩm đưa

bà Vũ Thị P tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện hợp pháp của ông T là phù hợp với quy định tại Điều 47, Điều 53, Điều 136 Bộ luật Dân sự năm 2015. Hơn nữa, nếu đương sự bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự nhưng Tòa án vẫn đưa họ vào tham gia tố tụng là làm ảnh hưởng quyền lợi của họ. Ngược lại, đương sự bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi, hạn chế nhận thức, Tòa án đã đưa người đại diện hợp pháp của họ tham gia tố tụng là đã bảo đảm quyền và lợi ích của họ. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà P.

Bà P và Luật sư còn đề nghị Hội đồng xét xử triệu tập những người liên quan là đại diện Ủy ban nhân dân huyện L, đại diện Ủy ban nhân dân xã Q và các con của ông T, bà P tham gia tố tụng để làm rõ nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người trên tham gia tố tụng, nay Tòa án cấp phúc thẩm đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm quyền kháng cáo, quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Tại hồ sơ vụ án cũng đã có đầy đủ các văn bản của Ủy ban nhân dân xã Q và Ủy ban nhân dân huyện L. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã thu thập các bản án hành chính đã giải quyết liên quan đến thửa đất tranh chấp và đưa những người con của bà N, ông Ptham gia tố tụng là bảo đảm quyền, nghĩa vụ của họ và làm sáng tỏ được sự việc. Ông T, bà P là chủ hộ gia đình, trực tiếp quản lý thửa đất nên không cần thiết phải đưa những người con của ông T, bà P vào tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị trên của bà P và Luật sư. Ngoài ra, bà P và Luật sư đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án, đình chỉ giải quyết vụ án và đề nghị Chính quyền các cấp làm rõ nguồn gốc thửa đất để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các gia đình theo quy định. Căn cứ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chỉ giải quyết các yêu cầu trong phạm vi khởi kiện của nguyên đơn hoặc yêu cầu phản tố của bị đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nếu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo yêu cầu của bà P và Luật sư là vượt quá phạm vi khởi kiện theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Như vậy, bà Vũ Thị P kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án vì bà N không có có quyền đối với thửa đất nên không đủ điều kiện khởi kiện nhưng với các chứng cứ nêu trên và trong giai đoạn phúc thẩm, bà P không xuất trình thêm được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về yêu cầu của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập thêm chứng cứ nhưng với các tài liệu, chứng cứ đã nên trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để xét xử vụ án mà không cần tạm ngừng phiên tòa.

[7] Về án phí phúc thẩm: Bà Vũ Thị P kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu áp phí Dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 174, Điều 175, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 164, Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 166 của Luật Đất đai; xử:

Buộc ông Trần Đình T và bà Vũ Thị P phải trả lại cho bà Hồ Thị N 313,4 m^2 đất, tại thửa đất số 152-1 (tức thửa 152), tờ bản đồ số 3 (theo bản đồ số là thửa đất số 16, tờ bản đồ số 16) tại Xóm 3, xã Q, huyện L, tỉnh Nghệ An.

Ranh giới cụ thể như sau: Phía Tây giáp mương nước dài 28,77 mét; phía Đông giáp phần đất còn lại (do ông T, bà P đang sử dụng) dài 28,47 mét; phía Nam giáp đất ông Đặng Ngọc Nhung dài 11 mét; phía Bắc giáp ngõ đi dài 11 mét.

Giao cho bà Hồ Thị N được quyền sở hữu các tài sản trên diện tích đất 313,4 m^2 gồm: Mái Proximăng (dài 11 mét x rộng 4,2 mét = 46,2 m^2) có giá trị 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng); 30 cây chuối có giá trị 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng); 01 cây sắn có giá trị 25.000 đồng (Hai mươi lăm nghìn đồng); Tường bao phía Tây (dài 24,57 mét) có giá trị 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Tổng giá trị tài sản mà bà N được quyền sở hữu là 10.625.000 đồng (Mười triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) nhưng bà Hồ Thị N phải trả giá trị các tài sản nêu trên cho vợ chồng ông Trần Đình T, bà Vũ Thị P số tiền 10.625.000 đồng (Mười triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bà Vũ Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001529 ngày 07 tháng 02 năm 2018.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đăng Phồn